|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Bình Định, ngày 04 tháng 7 năm 2018* |

**CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THUỘC 08 LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG**

**NĂM HỌC 2017-2018**

*(Kèm theo Công văn số 1478/ĐHQN-HCTH ngày 04/7/2018)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG TIÊU CHÍ** | **ĐIỂM**  **CHUẨN** | **ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ** | **CỤ THỂ MINH CHỨNG CHO TỪNG TIÊU CHÍ**  **(Dùng để tham khảo; các đơn vị có thể bổ sung thêm các minh chứng khác cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và nội dung tiêu chí thi đua)** | **ĐƠN VỊ CHUẨN BỊ MINH CHỨNG** |
| **I. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO (20 ĐIỂM)** | | | | | |
| 1 | Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đảm bảo năng lực đào tạo theo quy định hiện hành và thực hiện hiệu quả, đúng thông tin đã công bố | 1 |  | - Có Đề án (Phương án, Quy chế) tuyển sinh riêng của trường, đảm bảo không trái Quy chế của Bộ GD-ĐT. | - P. Đào tạo đại học  - P. Đào tạo sau ĐH  - P. Đào tạo và BDTX |
| 2 | Thực hiện tuyển sinh theo quy định, quy chế tuyển sinh hiện hành và đúng thông tin của đề án/thông tin tuyển sinh đã công bố | 1 |  | - Đảm bảo tuyển sinh theo đúng chỉ tiêu được Bộ GD-ĐT phê duyệt (Thông báo xác định chỉ tiêu của Bộ GD-ĐT phê duyệt chỉ tiêu cho trường và Báo cáo công tác tuyển sinh của Trường gửi Bộ sau khi tuyển sinh kết thúc).  - Có thông báo tuyển sinh hệ VLVH đúng Quy chế tuyển sinh được phê duyệt hoặc Quy chế tuyển sinh VLVH do Bộ GD-ĐT ban hành. | - P. Đào tạo đại học  - P. Đào tạo sau ĐH  - P. Đào tạo và BDTX |
| 3 | Đã tổ chức đào tạo theo tín chỉ và có sự cải tiến để nâng cao hiệu quả quản lý đào tạo | 1 |  | - Có văn bản ban hành Quy chế học vụ đào tạo theo hệ thống tín chỉ  - Có văn bản ban hành Quy trình/Quy định xét tốt nghiệp theo hệ thống tín chỉ | - P. Đào tạo đại học  - P. Đào tạo sau ĐH  - P. Đào tạo và BDTX |
| 4 | Ứng dụng đồng bộ công nghệ thông tin trong tổ chức, quản lý đào tạo; trong học tập và giảng dạy (trong và ngoài cơ sở đào tạo) | 1 |  | - Văn bản triển khai, xây dựng phần mềm quản lý đào tạo đại học, sau đại học.  - Quy trình ứng dụng CNTT trong giải quyết hồ sơ liên quan đến công tác đào tạo đại học và sau đại học (trực tuyến đăng ký môn học, đăng ký công việc và biểu mẫu cho học viên cao học, nghiên cứu sinh, báo cáo tiến độ nghiên cứu sinh,…) | - P. Đào tạo đại học  - P. Đào tạo sau ĐH  - P. Đào tạo và BDTX |
| 5 | Thực hiện liên kết đào tạo trong và ngoài nước đúng quy định; đảm bảo chất lượng đào tạo | 1 |  | Các văn bản, dự án về hợp tác, liên kết đào tạo trong và ngoài nước | - P. Đào tạo đại học  - P. Đào tạo sau ĐH  - P. Đào tạo và BDTX |
| 6 | Có giải pháp tích cực nhằm hạn chế gian lận trong thi cử, sao chép luận văn, luận án | 1 |  | Văn bản, quy định của đơn vị về ngăn ngừa, xử lý các hiện tượng gian lận… | - P. Công tác sinh viên  - P. Thanh tra - Pháp chế |
| 7 | Có hợp tác với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng để tạo nơi thực tập cho sinh viên | 1 |  | Các văn bản thể hiện sự hợp tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng | - TT. Hỗ trợ SV và QHDN |
| 8 | Có kế hoạch và lộ trình cụ thể trong việc giảng dạy và học ngoại ngữ để cam kết đảm bảo chuẩn năng lực ngoại ngữ tối thiểu theo quy định đối với người học sau khi tốt nghiệp | 2 |  | - Có văn bản ban hành Quy định đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo hệ thống tín chỉ. | - P. Khảo thí và ĐBCL |
| 9 | Có báo cáo xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo theo đúng quy định | 1 |  | - Ban hành Quy định, Quy trình xây dựng chương trình đào tạo bậc ĐH chính quy theo đúng quy định.  - Biên bản họp Hội đồng Khoa học đào tạo cấp Khoa/Bộ môn, cấp trường về việc điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo.  - Thông báo điều chỉnh, bổ sung, cập nhật chương trình đào tạo bậc đại học chính quy được nhà trường phê duyệt. | - P. Đào tạo đại học  - P. Đào tạo sau ĐH  - P. Đào tạo và BDTX |
| 10 | Có sự tham gia của doanh nghiệp/ đơn vị tuyển dụng trong quá trình xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo | 1 |  | - Phiếu/Biên bản lấy ý kiến chuyên gia trong và ngoài trường, đại diện các tổ chức/doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình đào tạo. | - P. Đào tạo đại học  - P. Đào tạo sau ĐH  - P. Đào tạo và BDTX |
| 12 | Có đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo đúng quy định được giao nhiệm vụ đào tạo | 1 |  | - Danh sách giảng viên cơ hữu đính kèm theo văn bản đề nghị mở ngành gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo | - P. Tổ chức - Cán bộ |
| 13 | Tỷ lệ giảng viên/người học đảm bảo theo quy định và năm sau cao hơn năm trước | 1 |  | - Báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh (thể hiện quy mô sinh viên/giảng viên theo từng khối ngành)  - Danh sách đội ngũ giảng viên phân theo từng nhóm ngành | - P. Tổ chức - Cán bộ  - P. Đào tạo đại học |
| 14 | Tỷ lệ giảng viên là GS, PGS, TS trên tổng số giảng viên cơ hữu năm sau cao hơn năm trước | 1 |  | - Biểu thống kê chất lượng đội ngũ giảng viên phân chia theo học hàm, học vị trong 02 năm 2017, 2018. | - P. Tổ chức - Cán bộ |
| 15 | Nghiêm túc thực hiện cam kết chuẩn đầu ra đối với các chương trình đào tạo và công bố công khai | 1 |  | - Có văn bản ban hành Quy chế học vụ đào tạo theo hệ thống tín chỉ  - Có văn bản ban hành Quy định đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ - tin học theo hệ thống tín chỉ.  - Có văn bản ban hành Quy trình/Quy định xét tốt nghiệp theo hệ thống tín chỉ | - P. Khảo thí và ĐBCL  - P. Đào tạo đại học |
| 16 | Có thu nhập và xử lý kết quả đánh giá của sinh viên, đối với chương trình đào tạo, giảng viên, tổ chức giảng dạy, nghiên cứu khoa học; kết quả đánh giá năm sau tốt hơn năm trước | 1 |  | - Tổng hợp ý kiến phản hồi của người học về chương trình đào tạo, giảng viên trong 02 năm 2016, 2017  - | - P. KT-ĐBCL |
| 17 | Có thu nhập và xử lý kết quả đánh giá của các nhà tuyển dụng đối với sinh viên của nhà trường; kết quả đánh giá năm sau tốt hơn năm trước | 1 |  | - Các báo cáo khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, ý kiến của nhà tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp khóa …. | - P. KT-ĐBCL  - P. Công tác SV |
| 18 | Có giải pháp đột phá góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nhà trường | 2 |  | - Biên bản xây dựng Đề án chương trình chất lượng cao của Hội đồng KHĐT cấp trường.  - Quyết định của BGH về việc phê duyệt chương trình đào tạo chất lượng cao.  -Thông báo/Quyết định phê duyệt chương trình đào tạo chất lượng cao của Bộ GD-ĐT.  -Thông báo tuyển sinh chương trình chất lượng cao | - P. Công tác sinh viên |
| **II. HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ (15 ĐIỂM)** | | | | | |
| 19 | Có nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được phê duyệt trong năm học | 1 |  | - Thống kê số lượng đề tài NCKH các cấp trong năm học 2017-2018 và kèm theo Danh mục đề tài các cấp được phê duyệt thực hiện (Cấp Nhà nước, Tỉnh/Thành phố, Bộ, Giảng viên và sinh viên) | - P. QLKH-HTQT |
| 20 | Có nhiệm vụ khoa học công nghệ phê duyệt mới nhận được tài trợ từ các dự án ngoài nước | 2 |  | - Quyết định phê duyệt các đề tài NCKH được tài trợ từ các dự án ngoài nước | - P. QLKH-HTQT |
| 21 | Có hợp đồng chuyển giao công nghệ và hợp đồng tư vấn phát sinh mới trong năm học | 1 |  | - Hợp đồng chuyển giao công nghệ trong năm học 2017-2018 | - P. QLKH-HTQT |
| 22 | Có bằng sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp trong năm học | 1 |  | - Bằng sáng chế, giải pháp hữu ích trong năm học 2017-2018 | - P. QLKH-HTQT |
| 23 | Có các công trình khoa học được công bố trong năm học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế | 1 |  | - Thống kê số lượng bài báo được đăng trên các tạp chí trong nước, quốc tế trong năm học 2017-2018 và danh mục bài báo được đăng trên các Tạp chí trong và ngoài nước kèm theo. | - P. QLKH-HTQT |
| 24 | Có tổ chức hội thảo trong nước | 1 |  | - Quyết định thành lập Ban Tổ chức Hội thảo/Hội nghị quốc gia năm học 2017-2018  - Chương trình Hội thảo/Hội nghị quốc gia | - P. QLKH-HTQT |
| 25 | Có bài báo quốc tế ISI hoặc SCOPUS mới trong năm | 2 |  | - Danh mục bài báo được đăng trên các Tạp chí quốc tế ISI hoặc SCOPUS trong năm 2017, 2018 | - P. QLKH-HTQT |
| 26 | Có tổ chức hội thảo khoa học quốc tế | 2 |  | - Công văn của Bộ GD-ĐT cho phép tổ chức hội thảo/hội nghị quốc tế tại Trường trong năm học 2017-2018  - Quyết định thành lập Ban Tổ chức Hội thảo/Hội nghị quốc tế  - Chương trình hội thảo/hội nghị quốc tế | - P. QLKH-HTQT |
| 27 | Có tối thiểu 20% sinh viên đại học tham gia nghiên cứu khoa học | 1 |  | - Danh mục đề tài sinh viên NCKH trong năm học 2017-2018 | - P. QLKH-HTQT |
| 28 | Có giải thưởng NCKH cấp Bộ, tỉnh, Nhà nước, quốc tế và các tổ chức khác dành cho cán bộ, giáo viên và sinh viên được trao trong năm học | 1 |  | - Danh mục giải thưởng NCKH cấp Bộ, tỉnh, Nhà nước, quốc tế và các tổ chức khác dành cho cán bộ, giáo viên và sinh viên trong năm học 2017-2018 | - P. QLKH-HTQT |
| 29 | Tổng kinh phí hoạt động KHCN ngoài ngân sách tăng tối thiểu 25% so với năm học trước | 1 |  | - Báo cáo tình hình thực hiện kinh phí NCKH cấp Bộ trong 02 năm 2016, 2017 | - P. QLKH-HTQT |
| 30 | Thực hiện đúng hạn các đề tài, dự án KHCN | 1 |  | - Báo cáo tình hình hoạt động NCKH & CGKHCN gừi Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2017. | - P. QLKH-HTQT |
| **III. CÔNG TÁC HỘI NHẬP QUỐC TẾ (10 ĐIỂM)** | | | | | |
| 31 | Có chiến lược, kế hoạch cụ thể về hội nhập quốc tế | 1 |  | - Văn bản về chiến lược, kế hoạch thực hiện công tác hội nhập quốc tế | - P. QLKH-HTQT |
| 32 | Có bộ phận chuyên trách về hợp tác và hội nhập quốc tế; thực hiện tốt chế độ báo cáo về hợp tác quốc tế | 1 |  | - Quyết định thành lập bộ phận chuyên trách về công tác hợp tác và hội nhập quốc tế  - Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của bộ phận chuyên trách về công tác hợp tác quốc tế.  - Các báo cáo theo quy định, yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động hợp tác quốc tế. | - P. QLKH-HTQT |
| 33 | Có thoả thuận, ghi nhớ hợp tác với nước ngoài | 1 |  | - Danh sách các thỏa thuận, ghi nhớ và bản copy/scan của thỏa thuận và ghi nhớ.  - Bác cáo kết quả thực hiện các thoả thuận, ghi nhớ. | - P. QLKH-HTQT |
| 34 | Có đề án, dự án hợp tác với nước ngoài do nước ngoài tài trợ | 1 |  | - Danh sách các đề án/dự án được duyệt trong năm  - Đề cương đề án/dự án đã được duyệt | - P. QLKH-HTQT |
| 35 | Có chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh cho sinh viên chính quy | 1 |  | - Danh sách các chương trình giảng dạy bằng tiếng anh  - Danh sách các khóa tập huấn | - P. QLKH-HTQT |
| 36 | Có liên kết đào tạo với nước ngoài | 1 |  | - Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài. | - P. QLKH-HTQT |
| 37 | Có sinh viên nước ngoài đến học tập tại trường dài hạn | 1 |  | - Thư tiếp nhận và thông tin cá nhân của sinh viên | - P. QLKH-HTQT |
| 38 | Có người nước ngoài đến nghiên cứu và giảng dạy | 1 |  | - Thư mời và lý lịch của giảng viên nước ngoài | - P. QLKH-HTQT |
| 39 | Trong năm học, có giảng viên được cử đi đào tạo dài hạn (thạc sĩ, tiến sĩ) ở nước ngoài | 1 |  | - Quyết định cử giảng viên đi đào tạo dài hạn (thạc sĩ, tiến sĩ) ở nước ngoài | - P. TCCB |
| 40 | Có hội thảo, hội nghị quốc tế tổ chức tại trường | 1 |  | - Công văn của Bộ GD-ĐT cho phép tổ chức hội thảo/hội nghị quốc tế tại Trường trong năm học 2017-2018  - Quyết định thành lập Ban Tổ chức Hội thảo/Hội nghị quốc tế  - Chương trình hội thảo/hội nghị quốc tế | - P. QLKH-HTQT |
| **IV. QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC (10 ĐIỂM)** | | | | | |
| 41 | Xây dựng tổ chức thanh tra nội bộ theo quy định tại thông tư số 51/2012/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 12 năm 2012. Có văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của thanh tra nội bộ | 1 |  | - Quyết định thành lập Phòng Thanh tra  - Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của thanh tra nội bộ | - P. Thanh tra - Pháp chế |
| 42 | Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ có trọng tâm, trọng điểm và tổ chức hoạt động thanh tra có hiệu quả; giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định không để hiện tượng khiếu nại, tố cáo kéo dài | 1 |  | - Kế hoạch thanh tra nội bộ hàng năm được Hiệu trưởng phê duyệt  - Lịch tiếp công dân được thực hiện trong giờ hành chính các ngày trong tuần.  - Biên bản làm việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. | - P. Thanh tra - Pháp chế |
| 43 | 100% cán bộ chuyên trách công tác thanh tra được bồi dưỡng cấp chứng chỉ; có chế độ chính sách phù hợp đối với cán bộ thanh tra; thực hiện quản lý công tác thanh tra theo phần mềm quản lý của Bộ | 1 |  | - Quyết định cử cán bộ thanh tra tham gia các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ | - P. Thanh tra - Pháp chế |
| 44 | Xây dựng và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động; kế hoạch thực hiện lộ trình tự chủ nhà trường theo quy định | 1 |  | - Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động đơn vị  - Văn bản về chiến lược thực hiện tự chủ của Trường đã trình Bộ phê duyệt (kèm theo đề án thực hiện tự chủ). | - P. Tổ chức - Cán bộ |
| 45 | Thành lập Hội đồng trường, Hội đồng quản trị và tổ chức hoạt động theo quy định | 2 |  | - Quyết định thành lập Hội đồng trường.  - Các biên bản họp Hội đồng trường. | - P. Tổ chức - Cán bộ |
| 46 | Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển Nhà trường ngắn hạn và dài hạn | 1 |  | - Kế hoạch, chiến lược phát triển Nhà trường ngắn hạn và dài hạn | - P. Tổ chức - Cán bộ |
| 47 | Thành lập tổ chức pháp chế hoặc bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác pháp chế | 1 |  | - Quyết định thành lập bộ phận pháp chế  - Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận pháp chế | - P. Thanh tra - Pháp chế |
| 48 | Góp ý dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp hiện hành | 1 |  | - Công văn góp ý các văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.  - Công văn kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp hiện hành. | - P. Tổ chức - Cán bộ  - P. Thanh tra - Pháp chế  - P. HCTH |
| 49 | Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục đại học; nội quy, quy chế cho cán bộ, viên chức, nhân viên, giảng viên và người học | 1 |  | - Kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật trong toàn Trường. | - P. Tổ chức - Cán bộ  - P. Công tác sinh viên |
| **V. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (15 ĐIỂM)** | | | | | |
| 50 | Có kế hoạch triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục hằng năm, kế hoạch được thực hiện và có các báo cáo đầy đủ, đúng quy định | 2 |  | - Văn bản về Kế hoạch triển khai và thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục hàng năm của nhà trường.  - Biên bản làm việc về công tác đảm bảo chất lượng tại các đơn vị trong toàn trường.  - Báo cáo về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục. | - P. Khảo thí và ĐBCL |
| 51 | Cơ sở giáo dục đã hoàn thành tự đánh giá, báo cáo tự đánh giá được cấp nhật và báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định | 2 |  | - Bản báo cáo tự đánh giá của Trường đã được cập nhật theo quy định mới.  - Văn bản gửi báo cáo tự đánh giá của Trường về Bộ Giáo dục và Đào tạo. | - P. Khảo thí và ĐBCL |
| 52 | Cơ sở giáo dục đã được đánh giá ngoài hoặc được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước hoặc quốc tế | 3 |  | - Giấy chứng nhận hoặc Cuốn Báo cáo Đánh giá ngoài của tổ chức kiểm định giáo dục (cho các trường hợp không cấp giấy chứng nhận) | - P. Khảo thí và ĐBCL |
| 53 | Có chương trình đào tạo được đánh giá, công nhận bởi tổ chức đánh giá/kiểm định chất lượng giáo dục trong nước hoặc quốc tế | 2 |  | - Giấy chứng nhận kiểm định cấp chương trình hoặc Bản công nhận chương trình đào tạo của các tổ chức đánh giá/kiểm định chất lượng giáo dục | - P. Khảo thí và ĐBCL |
| 54 | Có cán bộ, giảng viên đã hoàn thành chương trình đào tạo kiểm định viên hoặc được cấp thẻ kiểm định viên | 2 |  | - Danh sách cán bộ, giảng viên đã hoàn thành chương trình đào tạo kiểm định viên hoặc được cấp thẻ kiểm định viên  - Danh sách các chứng chỉ đính kèm (bản photo/scan) | - P. Khảo thí và ĐBCL |
| 55 | Tham gia thẩm định và xác nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng, các thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng do cơ sở giáo dục công khai phù hợp với kết quả thẩm định và xác nhận | 2 |  |  | - P. Khảo thí và ĐBCL |
| 56 | Tham dự đầy đủ các hội thảo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức | 1 |  | - Quyết định cử viên chức tham dự hội thảo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức | - P. Khảo thí và ĐBCL |
| 57 | Các thông tin về hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục được đăng tải và cập nhật trên website của cơ sở giáo dục | 1 |  | - Địa chỉ website về các hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường | - P. Khảo thí và ĐBCL |
| **VI. CÔNG TÁC CƠ SỞ VẬT CHẤT (10 ĐIỂM)** | | | | | |
| 58 | Có chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách | 1 |  | - Văn bản đề xuất thu hút, xây dựng các dự án đầu tư | - P. Cơ sở vật chất |
| 59 | Thu hút tài trợ từ cựu học viên | 0,5 |  | - Văn bản đề xuất thu hút tài trợ từ cựu học viên | - P. Cơ sở vật chất |
| 60 | Thu hút tài trợ từ các doanh nghiệp | 0,5 |  | - Văn bản đề xuất thu hút tài trợ từ các doanh nghiệp | - P. Cơ sở vật chất |
| 61 | Thu hút tài trợ từ các cơ quan tổ chức quốc tế để xây dựng cơ sở vật chất và nguồn học liệu | 0,5 |  | - Văn bản đề xuất thu hút tài trợ từ các cơ quan tổ chức quốc tế để xây dựng cơ sở vật chất và nguồn học liệu | - P. Cơ sở vật chất |
| 62 | Có kế hoạch mua, bảo dưỡng, đánh giá cải tiến cơ sở vật chất, công nghệ thông tin và nguồn học liệu | 0,5 |  | -Kế hoạch mua, bảo dưỡng, đánh giá cải tiến cơ sở vật chất, công nghệ thông tin và nguồn học liệu | - P. Cơ sở vật chất |
| 63 | Mạng lưới công nghệ thông tin hiện đại và được đầu tư đồng bộ | 1,5 |  |  | - TT. CNTT-TT |
| 64 | Có thư viện số hiện đại, kết nối được với các thư viện bên ngoài | 1 |  |  | - TT.TTTL |
| 65 | Phòng thí nghiệm, phòng chức năng được đầu tư mới, hiện đại | 1,5 |  | - Báo cáo công tác quản trị cơ sở vật chất, thiết bị. | - P. Cơ sở vật chất |
| 66 | Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, đúng quy định | 1 |  | - Báo cáo công tác quản trị cơ sở vật chất, thiết bị hàng năm. | - P. Cơ sở vật chất |
| 67 | Thực hiện tốt các quy định về đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện, bảo quản, khai thác và sử dụng hiệu quả, đúng mục đích | 1 |  | - Báo cáo rà soát thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo | - P. Cơ sở vật chất |
| 68 | Ký túc xá sinh viên hiện đại, sạch sẽ và an toàn | 1 |  | - Báo cáo công tác quản trị cơ sở vật chất, thiết bị. | - P. Cơ sở vật chất |
| **VII. CÔNG TÁC KẾ HOẠCH, TÀI CHÍNH (10 ĐIỂM)** | | | | | |
| 69 | Quy chế chi tiêu nội bộ | 1 |  | - Quyết định ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ giai đoạn 2017-2022  - Quyết định ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ năm học 2017-2018 | - P. Kế hoạch - TC |
| 70 | Công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán | 0,5 |  | - Quyết định thành lập Tổ Tự kiểm tra tài chính, kế toán | - P. Kế hoạch - TC |
| 71 | Quản lý thu - chi tài chính, tài sản, báo cáo quyết toán và các công tác báo cáo khác | 1,5 |  | - Các báo cáo về công tác tài chính, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.  - Báo cáo kế hoạch ngân sách nhà nước; báo cáo quyết toán hàng năm. | - P. Kế hoạch - TC |
| 72 | Báo cáo dự toán | 0,5 |  | - Báo cáo dự toán | - P. Kế hoạch - TC |
| 73 | Báo cáo chuyển số dư | 0,5 |  | - Báo cáo chuyển số dư | - P. Kế hoạch - TC |
| 74 | Báo cáo về công tác ODA | 0,5 |  | - Báo cáo về công tác ODA | - P. Kế hoạch - TC |
| 75 | Báo cáo về công tác đầu tư và dự án hoàn thành | 0,5 |  | - Báo cáo về công tác đầu tư và dự án hoàn thành | - P. Kế hoạch - TC |
| 76 | Thực hiện xác định chỉ tiêu tuyển sinh chính xác, đúng quy định | 3 |  | -Bảng xác định chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm của Trường và của Bộ phê duyệt. | P. Đào tạo đại học  P. Đào tạo sau ĐH  P. Đào tạo và BDTX |
| 77 | Thực hiện quy chế công khai đầy đủ, đúng quy định | 2 |  | - Bảng công khai về tài chính trên website của đơn vị, trong Hội nghị Cán bộ viên chức hàng năm. | P. Kế hoạch - Tài chính |
| **VIII. CÔNG TÁC SINH VIÊN (10 ĐIỂM)** | | | | | |
| 78 | Có kế hoạch và thực hiện đúng, đầy đủ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên theo hướng dẫn của Bộ | 0,75 |  | * Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt HSSV, các nội dung học tập trong Tuần sinh hoạt HSSV. | - P. CTSV |
| 79 | Có kế hoạch triển khai hiệu quả việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh | 0,5 |  | * Kế hoạch triển khai hiệu quả việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho sinh viên | - P. CTSV |
| 80 | Có tổ chức hoạt động ngoại khóa, diễn đàn, sinh hoạt chuyên đề về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; cuộc thi văn hóa, văn nghệ cho sinh viên | 0,75 |  | * Kế hoạch tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về sức khỏe, tâm sinh lý, hành vi ứng xử cho sinh viên. * Kế hoạch thực hiện và kết quả đạt được của các hoạt động: chiến dịch mùa hè xanh, chiến dịch xuân tình nguyện, nét đẹp sinh viên, hiến máu nhân đạo, hội thi văn nghệ,… | - P. CTSV  - Đoàn TN  - Hội SV |
| 81 | Có văn bản và triển khai thực hiện tốt quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học | 0,5 |  | - Văn bản quy định về Quy tắc ứng xử của sinh viên trong trường học. | - P. CTSV |
| 82 | Có kế hoạch triển khai Chương trình phối hợp giữa ngành Giáo dục với Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Tổ chức tốt các hoạt động tình nguyện và chương trình tiếp sức mùa thi | 0,5 |  | * Kế hoạch triển khai Chương trình phối hợp giữa ngành Giáo dục với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. * Kế hoạch tổ chức các hoạt động tình nguyện * Kế hoạch tổ chức chương trình Tiếp sức mùa thi | - Đoàn TN  - Hội SV |
| 83 | Đảm bảo an ninh, trật tự trong trường học; không để xảy ra vụ việc về an ninh trật tự, tội phạm xã hội, an toàn giao thông liên quan đến sinh viên | 0,75 |  | - Tuyên truyền các nội dung về pháp luật, các hành vi vi phạm (sinh viên bị kỷ luật) trên các phương tiện truyền thông: website, email, bảng thông báo.  - Văn bản về kế hoạch, nội dung thực hiện các hoạt động.  - Quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền đối với Nhà trường về công tác đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực. | - P. CTSV |
| 84 | Có trung tâm/ bộ phận chuyên trách công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên hoạt động hiệu quả | 0,5 |  | Quyết định thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp | - TT. Hỗ trợ SV và QHDN |
| 85 | Có kế hoạch và triển khai tốt các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm; hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp | 0,75 |  | - Kế hoạch các lớp kỹ năng cho sinh viên, hình ảnh lớp kỹ năng.  - Kế hoạch tổ chức chương trình khởi nghiệp cho sinh viên, hình ảnh chương trình khởi nghiệp.  - Kế hoạch tổ chức Ngày hội việc làm, hình ảnh NHVL.  - Bản sao các ký kết giữa Nhà trường các Công ty trong việc sử dụng lao động, thực tập, rèn nghề. | - P. CTSV  - Đoàn TN  - Hội SV |
| 86 | Tổ chức các hoạt động (giải thi đấu) thể thao cho học sinh, sinh viên trong nhà trường; có tham gia các giải thi đấu thể thao khu vực hoặc toàn quốc; có câu lạc bộ thể thao cho học sinh, sinh viên | 1 |  | - Quyết định thành lập: đội bóng đá, các câu lạc bộ đội nhóm, …  - Kế hoạch hoạt động hằng năm của các câu lạc bộ đội nhóm | - Đoàn TN  - Hội SV |
| 87 | Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ Nhà giáo làm công tác GDTC | 1 |  | - Quyết định cử viên chức làm công tác Giáo dục thể chất đi tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ trong năm học 2017-2018 | - Phòng TCCB |
| 88 | Thực hiện tốt công tác y tế trường học và có báo cáo đầy đủ | 1 |  | - Kế hoạch khám sức khỏe đầu năm cho sinh viên  - Thông báo cho sinh viên về việc đóng BHYT. Các hình thức kỷ luật nếu sinh viên không tham gia.  - Văn bản về các hoạt động tuyên truyền dịch bệnh, phòng bệnh, lịch trực của Trạm y tế.  - Hợp đồng mua BHYT cho sinh viên.  - Báo cáo về công tác y tế trường học theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền | - Trạm Y tế |
| 89 | Làm tốt công tác phòng, chống tai nạn thương tích đối với học sinh, sinh viên | 1 |  | * Văn bản tuyên truyền về công tác phòng, chống tai nạn thương tích đối với học sinh, sinh viên | - P. CTSV |
| 90 | Có cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục thể chất, thể thao tăng so với năm học trước | 1 |  | * Báo cáo công tác quản trị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục thể chất, thể thao * Thông kê số liệu | - P. CSVC |